

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 81/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đình Hữu Cải**;

Bà **Nguyễn Thị Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu K**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 9, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Ch, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/4/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu K trình bày:

-Về hôn nhân: Chị và anh C sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2003. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã; anh C không phụ giúp, cáng đáng gia đình còn ghen tuông vô cớ nhiều lần xúc phạm chị. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh C không sửa đổi. Do chị

thấy vợ chồng không chung sống với nhau được nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 03/8/1999 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/11/2005. Nay con tên H đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được nuôi con tên T, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh chị chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng năm 2003. Quá trình chung sống cũng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã khoảng 01 năm nay; do làm ăn thất bại, nợ nần nên chán nản, có thời gian bỏ bê, ít phụ giúp vợ con cang đáng gia đình; việc ghen tuông xúc phạm vợ anh thì chỉ có một lần nhưng anh chỉ nói đùa chứ không thật, anh không nghĩ đã làm tổn thương vợ mình. Thời gian qua anh đã nhận ra lỗi của mình, anh vẫn còn tình cảm với vợ anh đã năn nỉ, xin lỗi vợ anh và hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm để bù đắp lại cho vợ con và yêu cầu được đoàn tụ. Anh khẳng định anh sẽ quyết tâm sửa chữa được, sẽ hạn chế tối đa việc uống rượu, hút thuốc, không nóng nảy xúc phạm vợ con, chăm lo làm ăn để lo trả nợ, không làm gì để vợ anh phải phiền lòng nữa. Anh vẫn còn tình cảm với vợ con nên dù vợ anh cương quyết thì anh cũng không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn thì:

- Về con chung: Con tên H đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết; anh đồng ý giao con tên T cho vợ anh nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xét xử theo hướng:

- + Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh C.

- + Về con chung: Con tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 03/8/1999 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Giao con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/11/2005 cho chị K nuôi dưỡng; ghi nhận chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị K và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị K, anh C.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị K, anh C khai nhận anh chị chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn chị K cung cấp.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị K khai nhận trong quá trình chung sống anh chị thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã; anh C không phụ giúp, cáng đáng gia đình còn ghen tuông vô cớ nhiều lần xúc phạm chị. Chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh C không sửa đổi. Do chị thấy vợ chồng không chung sống với nhau được nữa nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

[2.3] Anh C thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ, cãi vã khoảng 01 năm nay; do làm ăn thất bại, nợ nần nên chán nản, có thời gian bỏ bê, ít phụ giúp vợ con cáng đáng gia đình; việc ghen tuông xúc phạm vợ anh thì chỉ có một lần nhưng anh chỉ nói đùa chứ không thật, anh không nghĩ đã làm tổn thương vợ mình. Thời gian qua anh đã nhận ra lỗi của mình, anh vẫn còn tình cảm với vợ anh đã năn nỉ, xin lỗi vợ anh và hứa sẽ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm để bù đắp lại cho vợ con và yêu cầu được đoàn tụ.

[2.4] Qua kết quả xác minh tại địa phương có đủ căn cứ xác định lời trình bày của chị K là có căn cứ. Anh C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như lời chị K trình bày nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị K nên không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K thấy rằng, anh chị đã mâu thuẫn với nhau một thời gian dài không hàn gắn được. Nay chị K không còn tình cảm với anh C và cương quyết ly hôn dù đã được hòa giải đoàn tụ. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 03/8/1999 và Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/11/2005. Nay con tên H đã thành niên, chị K và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị K yêu cầu được nuôi con tên T, anh C đồng ý giao con cho chị K nuôi dưỡng là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do đó, cần giao cháu T cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu K đối với anh Nguyễn Văn C. Chị Nguyễn Thị Thu K được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Trọng H, sinh ngày 03/8/1999 đã thành niên, chị Nguyễn Thị Thu K và anh Nguyễn Văn C đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Giao cho chị Nguyễn Thị Thu K được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/11/2005; ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu K và anh Nguyễn Văn C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002014 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Nguyễn Thị Thu K đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Chung